

Nghiên cứu Yếu tố tình thái trong thơ Chế Lan Viên phục vụ dạy học ngành Việt Nam học tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Lê Quang Đức

ThS. Trường Đại học Tôn Đức Thắng

Received: 30/10/2024; Accepted: 6/11/2024; Published: 12/11/2024

Abstract: Surveying and analyzing modal elements in three representative poetry collections by the poet Che Lan Viên reveal the deliberate selection of language to achieve aesthetic expression and convey artistic thought in the works of this prominent figure in modern Vietnamese literature. Through a linguistic analysis of his poetry, the study aims to elucidate the evolution of Che Lan Viên's poetic sensibility and his distinctive creative style.

Keywords: Modality, modal elements, Chế Lan Viên

1. Đặt vấn đề

Mặc dù vấn đề tình thái từ lâu đã được giới nghiên cứu quốc tế chú ý: C.I. Lewis (1912, 1917), C.I. Lewis và C.H. Langford (1932), Ch. Bally, V. Vinogradov (1950), V.N. Bondarko (1979), J. Lyons (1980), M.V. Liapon (1990), F.R. Palmer (2001)... nhưng đến những năm thập kỷ 80 của thế kỷ XX, giới nghiên cứu Việt ngữ học mới thực sự quan tâm: Nguyễn Đức Dân (1984, 1987, 1996), Hoàng Phê (1984, 1989), Cao Xuân Hạo (1992), Hoàng Tuệ (1988), Lê Đông (1992), Đỗ Hữu Châu (1993), Phạm Việt Hùng (1994)...

Tiếp thu các lý thuyết mới về tín hiệu học, về dụng học, các nhà ngữ pháp học Việt Nam đã cố gắng tiếp cận các sự kiện ngôn ngữ một cách thực tế hơn, và nhờ thế họ đã thu được nhiều kết quả lớn trong nghiên cứu vấn đề tình thái. Tuy nhiên, trong một thời gian ngắn ngủi, dù có nhiều nỗ lực nhưng vấn đề về phạm trù tình thái vẫn khó có thể hoàn chỉnh thành một hệ thống lý thuyết chỉ đủ tương đối để đưa vào nghiên cứu cụ thể và chuyên sâu trong lĩnh vực thi ca được. Cho đến nay dường như chưa có một công trình nào thực sự nghiên cứu vấn đề tình thái trong thơ trên phương diện lý thuyết lẫn thực hành.

Trong nền thơ ca Việt Nam hiện đại, sự nghiệp thơ ca đồ sộ, giàu ý nghĩa thời đại của Chế Lan Viên (CLV) là một hiện tượng thơ mang tầm thế kỷ. Ông là gương mặt tiêu biểu của nhiều thế hệ nhà thơ đã gần bó và sáng tạo suốt chiều dài một thế kỷ chứa nhiều canh tân về mặt thi pháp của một nền văn học (VH) có gia tốc lớn. Từ khi “đột ngột xuất hiện giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị” với tập thơ *Điêu tàn* (1937) cho đến cuối đời (1989), thơ CLV đã thu

hút được sự chú ý của giới nghiên cứu với nhiều nhà phê bình nổi tiếng: Hoài Thanh, Hà Minh Đức, Lê Đình Kỵ, Nguyễn Lộc, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Xuân Nam... Thế nhưng các nhà nghiên cứu và công chúng vẫn chú ý từ góc độ lý luận VH hơn là lý thuyết ngôn ngữ học. Vấn đề xem xét yếu tố tình thái trong thơ CLV lại gần như không có.

Vấn đề tình thái, chức năng ngữ nghĩa, cơ chế hoạt động của các yếu tố tình thái tiếng Việt luôn trở thành một vấn đề quan tâm trong giới Việt ngữ học vì ý nghĩa thực tiễn của nó. Việc khảo sát yếu tố tình thái trong thơ sẽ tiếp tục mở rộng thêm một vùng đất mới trong tiến trình ấy, nhằm tiệm cận đến một “sự thật” về phạm trù tình thái trong ngôn ngữ học.

Sự nghiệp thơ ca của CLV rất đồ sộ và phong phú. Trong hành trình sáng tạo của ông, chúng ta thấy rất rõ ba chặng đường chính, gắn với với ba tập thơ tiêu biểu nhất của ông: *Điêu tàn* (1937), *Ánh sáng và phù sa* (1960), *Di cảo thơ II* (1993). Chúng tôi chọn cứ liệu trên ba tác phẩm chính này để khảo sát và phân tích. Cơ sở chủ yếu cho PP nghiên cứu là lý thuyết ngữ dụng học. Việc tiếp cận các cứ liệu phải chú ý đến hiệu quả thẩm mỹ và quy luật sáng tạo-tiếp nhận văn bản nghệ thuật theo đặc thù VH.

Việc phân xuất các ngữ đoạn lời nói có yếu tố tình thái được thực hiện trên câu thơ và việc tìm hiểu giá trị ngữ nghĩa, giá trị biểu cảm của yếu tố tình thái được phân tích trong tính chỉnh thể của cơ cấu một tác phẩm VH.

Sau khi phân xuất yếu tố tình thái ra khỏi phát ngôn, chúng tôi thực hiện thống kê, phân loại theo các tiêu chí thành nhóm, phân tích cấu trúc, ý nghĩa biểu hiện và cơ chế tạo nghĩa tình thái của các yếu tố tình

thái một cách cụ thể. Kết quả của việc phân xuất và thống kê, trong 248 bài thơ ở cả 3 tập thơ trên, chúng tôi đã ghi nhận được 1983 mẫu liên quan yếu tố tình thái, trong đó *Điều tàn* có 338, *Ánh sáng và phù sa* có 582, *Di cảo thơ II* có 1063.

Mặc dù chúng tôi đã khảo sát, thống kê và tiến hành phân tích trên cả một phạm vi rất rộng nhưng do những điều kiện khác nhau, chúng tôi phải thu hẹp lại ở ba phạm trù tình thái ngữ nghĩa là *thời gian, quá trình, khẳng định* nhấn mạnh trong khi trình bày cụ thể.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Lựa chọn yếu tố tình thái

Thơ CLV luôn vươn đến những tầm khái quát, trừu tượng về các vấn đề hiện thực xã hội lẫn hiện thực lẫn hiện thực tâm hồn. Tư duy của thơ ông là tư duy chính luận, triết lý, câu thơ vì thế nhiều mệnh đề, đầy tính duy lý, logic đã nhờ vào yếu tố tình thái khiến thơ ông trở nên mạch lạc, đầy cảm xúc. Yếu tố tình thái trong thơ CLV là phương tiện không chỉ biểu hiện phương diện phong cách mà còn định hướng nghĩa để người đọc biết được những ẩn ý hàm ngôn sâu xa của nhà thơ về các sự tình được nói đến. Yếu tố tình thái là một trong những phương tiện quan trọng trong việc biểu hiện cảm thức của nhà thơ trước hiện thực. Việc lựa chọn yếu tố tình thái trong sáng tạo thơ ở CLV diễn ra ở nhiều cấp độ khác nhau và ở mỗi giai đoạn sáng tác có nhiều khác nhau. Trên cơ sở của chính cấu trúc nội tại của thơ CLV, chúng ta vẫn nhận thấy một số vấn đề sau:

- Trong các phương tiện tình thái thuộc *phạm trù thời gian*, yếu tố tình thái đã được sử dụng với tần số khá cao và ở nhiều phạm vi sắc thái ý nghĩa khá phong phú với các yếu tố cùng phạm trù như *sẽ, đang, sắp, vừa...* Điều này khẳng định CLV là nhà thơ có cảm hứng thiên về quá khứ hơn là hiện tại, hoặc tương lai. Quá khứ là chất liệu để ông suy nghiệm, hồi tưởng, triết lý. Tuy nhiên so với yếu tố *vừa* hoặc *mới* trong tập *Ánh sáng và phù sa*, thì đã xuất hiện thấp hơn. Điều này liên quan đến đến sự phản ánh hiện thực của nhà thơ, đó là một hiện thực có quá nhiều sự đổi thay, quá nhiều sự kiện sang trang mà nhà thơ cảm nhận được trong giai đoạn bất giờ.

- Trong các phương tiện tình thái thuộc *phạm trù quá trình*, các yếu tố có nhiều sự khác nhau khó tóm lược một cách đầy đủ được. Tuy nhiên điều đặc biệt dễ nhận thấy là các yếu tố tình thái: *vẫn, còn, cũng, mãi, nữa, bỗng, lại* được sắc thái hóa ý nghĩa cụ thể mà khác nhau theo từng tập thơ. Giá trị nghĩa tình thái của các yếu tố này được quy định bởi các tham thể, các vị từ trong phát ngôn, lời thơ. Chẳng hạn ở yếu

tố tình thái *mãi*, chúng ta thấy ở *Điều tàn*, nó biểu thị tình trạng tiếp diễn liên tục, không mất đi sự ám ảnh, ở *Ánh sáng và phù sa* lại là sự tiếp diễn các cảm xúc, các tình cảm vừa có của nhà thơ trước cuộc sống, còn ở *Di cảo thơ 2* là tình trạng bất đổi thay của các giá trị văn hóa, chân lý... Vì thế *mãi* biểu thị rất rõ tiến trình tư duy, cách thức cảm nhận nhằm đi tìm bản chất đời sống qua các chặng đường lịch sử và đời sống của nhà thơ: cảm giác ở *Điều tàn*, cảm xúc ở *Ánh sáng và phù sa*, suy tưởng ở *Di cảo thơ 2*.

- *Phạm trù khẳng định - nhấn mạnh* thể hiện rất rõ xác tín của nhà thơ. Số phương tiện tình thái thuộc phạm trù này rộng hơn so với những gì chúng tôi đã trình bày. Các phương tiện tình thái này phần lớn có nhiều nét nghĩa khá đa dạng, nên khó có thể trình bày đầy đủ. Tuy nhiên có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau, vì đặc trưng tư duy thơ mang tính suy nghiệm, khẳng định các vấn đề thuộc lẽ phải, chân lý, vì tính suy tư đến cùng, luôn lật trái mọi mặt sự kiện, vắt kiệt tận cùng vấn đề nên thơ CLV rất hay sử dụng các phương tiện tình thái khẳng định-nhấn mạnh chính xác, hùng hồn, song trong các vấn đề thuộc phạm vi đời sống tâm lý tình cảm, ông lại dè dặt, nhẹ nhàng khẳng định. Chính các yếu tố này đóng góp rất lớn cho phong cách chính luận, triết lý hùng hồn, hào sảng của thơ CLV. Chẳng hạn, từ *cái* luôn ứng theo cấu trúc định ngữ hóa danh từ trung tâm với phần lớn là các danh từ trừu tượng khiến lời thơ mang tính sử thi, chính luận và khiến các “sự tình” triết lý, khái quát vốn khô khan trở nên sinh động và đầy cảm xúc. Nó góp phần cân bằng giữa hai trạng thái lý trí và xúc cảm trong thơ CLV. Và nhờ đó, nó tạo nên một hiệu quả nghệ thuật lớn cho thơ CLV.

2.2. Yếu tố tình thái và phong cách thơ Chế Lan Viên

CLV là một trong những người suy tư và viết về lao động thơ nhiều nhất, ông thể hiện tất cả điều đó thành thơ:

Đừng làm những câu thơ khuôn mình theo văn phạm

Như cây xanh quá thẳng chim không về

CLV luôn trung thực với chính mình trong thơ, thơ ông vì thế thể hiện rất rõ cách tư duy sâu sắc, cách cảm nhận tinh tế và cách thể hiện độc đáo hiếm thấy. Ông luôn hướng thơ về những vấn đề trung tâm của đời sống, những vấn đề ở tầm dân tộc, thời đại. Tư duy thơ ông sắc sảo, đa diện, ông không bao giờ nhìn sự vật một phía một chiều, ông xoay trở, quan sát ở nhiều bình diện, góc độ, tự nâng mình lên một tầm cao bao quát về văn hóa, tư tưởng, luôn đặt sự kiện,

vấn đề trong mối tương quan nhiều sự vật khác để so sánh đối chiếu, liên hệ, tổng hợp. Chính vì thế ý tưởng thơ của ông sắc sảo; lời thơ tâm kỳ, sáng tạo; nhịp thơ cuộn cuộn; mạch thơ căng, nâng cao và gợi nhiều suy tưởng cho người đọc.

Thơ CLV vì thế là đại diện cho một hồn thơ thời đại, một hồn thơ đã vận động đi theo những bước tiến của lịch sử. Với Điều tàn, thế giới thơ CLV đứng riêng một cõi “giữa đồng bằng văn học Việt Nam ở nửa thế kỷ XX. Nó đứng sừng sững như một cái tháp Chàm, chắc chắn và lẻ loi, bí mật” (Hoài Thanh). Điều tàn là một thế giới hư linh, ma quái, chìm đắm trong bóng tối cô đơn lạnh lẽo với những cơn mê sảng của một tâm hồn giá lạnh bị vong nô. Khác với Hàn Mặc Tử, nỗi đau đời được diễn đạt bằng nỗi đau người, nỗi đau trải nghiệm của “thịt da tôi sượng sần và tê điếng”, CLV nhúc nhối một nỗi đau trí tuệ sâu sắc. Đó là cơn vật vã của suy tưởng, chiêm nghiệm về xác tín, về niềm tin, về sự tồn tại của con người trên mặt đất. Tiếng thơ ấy là tiếng thơ của một thế hệ bị mất nước luôn bất hòa với thực tại và mong đời trốn thoát. Vì thế, có thể nói với Điều tàn, Chế Lan Viên là một nhà thơ lãng mạn.

Sau 1945, đi theo cách mạng, lòng tin trở lại sinh thành và có căn cứ. Từ đó, người ta thấy tâm hồn ấy đã “giã từ thung lũng đau thương để bước ra cánh đồng vui, từ chân trời một người đi đến chân trời của tất cả”. Nhà thơ chia tay cái gia tài đồ sộ hàng triệu nỗi buồn để đến với tổ quốc và nhân dân. Thoát khỏi cái tôi siêu hình, tâm hồn nhà thơ tràn ngập một vẫy gọi yêu thương mới, một mê đắm tin tưởng mới. Ánh sáng và phù sa vì thế chứa đựng nhiều chất liệu hiện thực của cuộc đời, giàu ý nghĩa xã hội và chan hòa tình cảm cộng đồng. Chính ở đây, CLV là nhà thơ cách mạng.

Ở Di cảo thơ II, con người đứng trước sự đòi gọi của thiên mệnh bó buộc, nhà thơ phải trở về với mình để chân thành phản tỉnh. Nhà thơ vì thế hướng nội trong cách thể của một triết nhân đầy suy tư, chiêm nghiệm. Giọng thơ trở nên trầm lắng, sâu lắng, trầm tĩnh, đầy tự vấn. Ông lật trái mình qua giông bão “sấm chớp”. Nhà thơ mài miết sân lòng sự thật về cuộc đời, con người, về nghệ thuật và chính mình. Trong cơn mặc khải suy tưởng, đôi lúc ông trở nên hoài nghi, mặc cảm, chua chát, sắc lạnh, hóm hỉnh, đùa cợt. Ở Di cảo thơ II, Chế Lan Viên là nhà thơ cách mạng suy tưởng.

Trong nền thơ ca Việt Nam ở vào thế kỷ XX, thơ CLV là một hiện tượng thơ mang tầm thế kỷ. Ở chặng đường nào, dù là Thơ Mới lãng mạn (1932 - 1945), thơ Cách mạng (1945 - 1975) hay thơ thời kỳ Đổi mới

(1986 - 2000), ông vẫn ở hàng đỉnh cao tiêu biểu với những tập thơ biết gây sôi động thi đàn.

2.3. Vấn đề nghiên cứu tình thái trong thơ Chế Lan Viên

Tình thái trong thơ là một vấn đề liên ngành còn nhiều mới mẻ. Việc nghiên cứu phạm trù tình thái trong thơ sẽ bước đầu vỡ vạc một số cách thức tiếp cận khảo sát phân tích đánh giá các vấn đề như sau:

- Khảo sát và phân tích các đơn vị tình thái phải trên đơn vị phát ngôn (câu thơ, bài thơ), và phải đặt trong tính chỉnh thể của cơ cấu nghệ thuật (tác phẩm, tập thơ, sự nghiệp thơ)

- Khảo sát và phân tích các đơn vị tình thái phải thực hiện theo cả việc xem xét cấu trúc hình thức lẫn cấu trúc ngữ nghĩa, nghĩa là phải nhóm các yếu tố tình thái theo nhiều tiêu chí, đặc biệt chú ý phạm trù ngữ nghĩa của đơn vị tình thái.

- Giá trị của đơn vị tình thái được phân tích trong quy luật sáng tạo và biểu cảm nghệ thuật ngôn từ.

3. Kết luận

Do những điều kiện khách quan, đề tài còn bỏ ngỏ nhiều vấn đề liên quan trực tiếp như: chưa khảo sát hết toàn diện vấn đề tình thái trong sự nghiệp thơ CLV gồm 14 tập thơ, và chưa giải quyết hết các bình diện ý nghĩa, các phạm trù, nội dung mà trong đó có khá nhiều vấn đề quan trọng và cơ bản của thơ CLV.

Tuy nhiên qua việc nghiên cứu các yếu tố tình thái ở ba phạm trù trên, chúng tôi bước đầu có thể xác định được sự chọn lựa ngôn từ, phong cách sáng tác cũng như các chặng đường đổi mới tư duy nghệ thuật trên hành trình sáng tạo của CLV. Các ngữ liệu nghiên cứu của đề tài có thể vận dụng để giảng dạy các môn học chuyên ngành ngôn ngữ học, văn học cho SV ngành Việt Nam học tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng nói riêng và các trường đại học, cao đẳng nói chung.

Tài liệu tham khảo

1. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt, sơ thảo ngữ pháp chức năng (Quyển I)*, NXB KHXH. Hà Nội
2. Diệp Quang Ban (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt (tập 2)*, NXBGD. Hà Nội
3. Đỗ Hữu Châu, (1987), *Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng*, NXBĐH và THCN. Hà Nội.
4. Hoàng Tuệ (1988), *Về khái niệm tình thái, Tiếng Việt số 1*; NXBGD. Hà Nội
5. Lê Đông (1994), *Ngữ nghĩa-ngữ dụng của hư từ: Siêu ngôn ngữ và hư từ tiếng Việt*, Ngôn ngữ số 2. Hà Nội
6. Nguyễn Lai, (1996), *Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học*, NXBGD. Hà Nội